|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn28/4/2023 | Dạy | Ngày | 8/5/2023 |
| Tiết | 2 |
| Lớp | 7C |

**Tiết 129**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: THUẬT NGỮ**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực** **đặc thù:** Giúp HS:

- Nhận biết thuật ngữ, phân loại thuật ngữ theo lĩnh vực khoa học.

- Phân biệt thuật ngữ với từ ngữ thông thường; hiểu được vai trò của thuật ngữ trong họat động giao tiếp về đề tài thuộc lĩnh vực khoa học.

- Sử dụng thuật ngữ trong tạo lập văn bản.

- Phân tích cấu tạo của từ

**1.2. Năng lực chung:**

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.

**2. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị:**

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

**2. Học liệu:**

- Sưu tầm các đoạn văn bản có từ Hán Việt

- Phiếu học tập.

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm, chọn 6 hs tham gia cuộc thi **Ai nhanh hơn**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Cho các từ ngữ : ***Bazơ, ẩn dụ, nước, muối, phân số;*** em hãy chọn từ ngữ thích hợp với khái niệm sau. Cho biết khái niệm ấy thuộc các lĩnh vực khoa học nào? (Điền câu trả lời vào bảng)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Khái niệm | Bộ môn khoa học |
| 1 | Ví dụ: Nước | Hoá học |
| …. | ………… | ……….. |

1. ………. là hợp chất của các nguyên tử hi-đrô và ôxi, có công thức là H2O

2……………..là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xít

3……………. là hợp chất mà phân tử gồm một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hi-đrô-xít.

4……………..là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.

5………………là phân số mà mẫu là lũy thừa của mười.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và thảo luận cặp đôi, thực hiện yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* 2 nhóm thảo luận và điền vào phiếu HT trên bảng
* Các HS khác lắng nghe, bổ sung.

Dự kiến câu trả lời của HS:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Khái niệm** | **Bộ môn khoa học** |
| 1 | Nước | Hoá học |
| 2 | Muối | Hoá học |
| 3 | Bazơ | Hoá học |
| 4 | Ẩn dụ | Văn học |
| 5 | Phân số thập phân | Toán học |

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

 GV kết nối,  dẫn vào bài mới.

Những khái niệm trên như nước, muối, thạch nhũ, bazơ, ẩn dụ, phân số thập phân được gọi là thuật ngữ. Vậy thuật ngữ là gì? Thuật ngữ có đặc điểm và chức năng như thế nào? Để hiểu rõ về điều đó, cô trò chúng ta đi tìm hiểu bài ngày hôm nay: *Thuật ngữ, đặc điểm và chức năng*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a**. **Mục tiêu**: Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của thuật ngữ

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm, cá nhân để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời  của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02**

|  |
| --- |
| **Tìm hiểu về khái niệm thuật ngữ** |
| *1) So sánh hai cách giải thích về nghĩa của từ “****nước****” sau:* | **Cách 1**: *Nước là chất lỏng, không màu, không mùi, không vị, có ở ao, hồ, sông,* … | **Cách 2:** *Nước là hợp chất của các nguyên tử hi-đrô và ôxi, có công thức là H2O.* |
| …………………………………..…………………………………. | …………………………………………………………………… |
| *2) Thuật ngữ là gì? Thuật ngữ thường được dùng ở loại văn bản nào?* |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03**

|  |
| --- |
| **Tìm hiểu về đặc điểm của thuật ngữ** |
| *1) So sánh sắc thái biểu cảm của từ* ***“muối”*** *được dùng trong hai trường hợp sau* | *2) Em hãy rút ra đặc điểm của thuật ngữ?* |
| *a. Muối là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xít.* | *b. Tay nâng chén* ***muối*** *đĩa gừng**Gừng cay* ***muối*** *mặn xin đừng quên nhau.* | ……………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| …………………………………..…………………………………. | …………………………………..…………………………………. |

|  |  |
| --- | --- |
|  **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu về thuật ngữ và đặc điểm của thuật ngữ****NV1: Tìm hiểu về khái niệm thuật ngữ là gì.****Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**HS suy nghĩ, thảo luận theo hình thức **cặp đôi** thực hiện **phiếu học tập số 02**1) So sánh hai cách giải thích về nghĩa của từ “***nước***” sau:**Cách 1**: *Nước là chất lỏng, không màu, không mùi, không vị, có ở ao, hồ, sông, …***Cách 2***: Nước là hợp chất của các nguyên tử hi-đrô và ôxi, có công thức là H2O*.*2) Thuật ngữ là gì? Thuật ngữ thường được dùng ở loại văn bản nào?***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**HS suy nghĩ và trả lời cá nhân..**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:* Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.
* Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4. Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chuẩn kiến thức về cách trích dẫn.**NV2: Tìm hiểu về đặc điểm của thuật ngữ****HĐ cá nhân****Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** **phiếu học tập số 03***1) So sánh sắc thái biểu cảm của từ* ***“muối”*** *được dùng trong hai trường hợp sau:**a. Muối là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xít.**b. Tay nâng chén* ***muối*** *đĩa gừng**Gừng cay* ***muối*** *mặn xin đừng quên nhau.**2) Em hãy rút ra đặc điểm của thuật ngữ?***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:Gv mời 1-2 HS trả lời câu hỏi.CácHS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4. Đánh giá, kết luận**GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **I. Thuật ngữ và đặc điểm của thuật ngữ****1. Thuật ngữ là gì?****a. Xét ví dụ:** So sánh hai cách giải thích về nghĩa của từ “nước” sau:**Cách 1**: *Nước là chất lỏng, không màu, không mùi, không vị, có ở ao, hồ, sông,* …**Cách 2:** *Nước là hợp chất của các nguyên tử hi-đrô và ôxi, có công thức là H2O.*\* Nhận xét: So sánh hai cách giải thích nghĩa của từ “**nước**”- **Cách giải thích thứ nhất** chỉ dừng lại ở những đặc tính bên ngoài của sự vật (Dạng lỏng hay rắn? Màu sắc, mùi vị như thế nào? Có ở đâu hay từ đâu mà có?). Đó là cách giải thích trên cơ sở kinh nghiệm, có tính chất cảm tính.**- Cách giải thích thứ hai** thể hiện được đặc tính bên trong của sự vật (Được cấu tạo từ những yếu tố nào? Quan hệ giữa những yêu tố đó như thê nào?). Những đặc tính này không thể nhận biết được qua kinh nghiệm và cảm tính mà phải qua nghiên cứu bằng lí thuyết và phương pháp khoa học, qua việc tác động vào sự vật để sự vật bộc lộ những đặc tính của nó. Do đó, nếu không có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực có liên quan (cụ thể trong trường hợp này là hóa học thì người tiếp nhận không thế hiểu được cách giải thích này.- Cách giải thích thứ nhất là cách giải thích nghĩa của từ ngữ thông thường, còn cách giải thích thứ hai là cách giải thích của thuật ngữ. **b. Kết luận**Thuật ngữ là từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ; thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.**2. Đặc điểm của thuật ngữ.****a. Ví dụ**- Từ “***muối***” trong trường hợp (a) không có sắc thái biểu cảm- Từ “***muối***” trong trường hợp (b) khẳng định tình cảm gắn bó sâu đậm của 2 nhân vật trữ tình trong ca dao -> có sắc thái biểu cảm. **b. Kết luận:** Đặc điểm của thuật ngữ**:****-** Thuật ngữ chỉ có hai đặc điểm chính: + Trong mỗi lĩnh vực khoa học, công nghệ, mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ (có tính chất đơn nghĩa). + Thuật ngữ không có tính biểu cảm.  |

 **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu**: HS thực hành các bài tập về thuật ngữ

- Tìm và phân loại thuật ngữ theo lĩnh vực khoa học.

- Sử dụng thuật ngữ trong tạo lập văn bản.

- Phân tích cấu tạo của từ.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 04**

|  |
| --- |
| **Bài 1. trang 82: nối các thuật ngữ ở cột A với lĩnh vực khoa học phù hợp ở cột B:** |
| **A. Thuật ngữ** |  | **B. Lĩnh vực khoa học** |
| 1) danh từ, động từ, tính từ, chủ ngữ, vị ngữ | a) toán học |
| 2) số tự nhiên, số hữu tỉ, phân số, góc vuông | b) hóa học |
| 3) hệ thần kinh, lưỡng cư, tế bào, vi khuẩn | c) ngôn ngữ học |
| 4) đơn chất, kim loại, phim kim, hóa trị | d) vật lí học |
| 5) dao động, tần số, vận tốc, điện tích | e) sinh học |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 05**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Nhóm** | **Câu văn có thuật ngữ** | **Xác định thuật ngữ** | **Lĩnh vực khoa học** |
| **1** | *a. Oxit là hợp chất của hai nguyên tố, trong đó có một nguyên tố là oxi. Oxit gồm hai loại oxit axit và oxit bazơ.*  |  |  |
| **2** | *b. Trùng roi là một cơ thể đơn bào có thể tự dưỡng như thực vật nhưng cũng có thể dị dưỡng như động vật.* |  |  |
| **3** | *c. Ta gọi tam giác có ba góc nhọn là tam giác nhọn, tam giác có một góc tù là tam giác tù.* |  |  |
| **4** | *d. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế có đặc điểm gì trong đoạn mạch nối tiếp và đoạn mạch song song?* |  |  |
| **5** | *e. Từ đơn là từ chỉ có một tiếng. Từ phức là từ có hai hay nhiều tiếng* |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 06**

|  |
| --- |
| **1) Tìm yếu tố trong các từ ghép thể hiện sự khác nhau giữa giữa các sự vật được biểu thị (xuồng, ghe)** |
| *Xuồng ba lá, xuồng năm lá, xuồng tam bản, xuồng độc mộc, xuồng chèo, xuồng máy, ghe câu, ghe cào tôm* |  |
| **2) Xếp các yếu tố đó vào nhóm thích hợp** |
| a. Chỉ đặc điểm cấu tạo của sự vật: |  |
| b. Chỉ cách vận hành sự vật:  |  |
| c. Chỉ công dụng của sự vật: |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm**  |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 1, trang 82, xác định yêu cầu của bài:**Gv hướng dẫn HS phân loại thuật ngữ theo lĩnh vực khoa học**HS thực hiện phiếu học tập số 04**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận*** HS đại diện trình bày, nhận xét.
* HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.

**Bước 4: Kết luận, nhận định** - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá;- GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **Bài tập 1/tr.82:** Xếp các thuật ngữ ở cột A vào lĩnh vực khoa học phù hợp ở cột B:Gợi ý: 1. – c)
2. – a)
3. – e)
4. – b)
5. – d)
 |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn HS **Xác định và phân tích các loại thuật ngữ theo lĩnh vực khoa học****Bài 2. Tr 82.*** **HS đọc thầm bài tập 2.**
* **Xác định yêu cầu của bài tập 2.**

HS thực hiện phiếu học tập số 05Hoạt hoạt động nhóm (chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm thực hiện 1 câu).Nhiệm vụ: + Nhóm 1- câu a+ Nhóm 2- câu b+ Nhóm 3- câu c+ Nhóm 4- câu d+ Nhóm 5- câu e**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:****-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, thực hiện yêu cầu.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận*** HS trình bày, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định** - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá.- GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **Bài tập 2/tr.82** **Tìm và xếp các thuật ngữ trong những câu dưới đây vào lĩnh vực khoa học phù hợp: toán học, vật lí học, hóa học, sinh học, ngôn ngữ học.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Thuật ngữ** | **Lĩnh vực khoa học** |
| a | *oxit, hợp chất, nguyên tố, oxi, oxit axit , oxit bazơ* | hóa học |
| b | *trùng roi, đơn bào, tự dưỡng, thực vật, dị dưỡng, động vật* | sinh học |
| c |  *tam giác, góc nhọn, tam giác nhọn, góc tù, tam giác tù* | toán học |
| d | *Cường độ, dòng điện, hiệu điện thế, đoạn mạch nối tiếp, đoạn mạch song song* | vật lí học |
| e | *Từ đơn, từ, tiếng, từ phức* | văn học |

 |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**HS thực hiện phiếu học tập số 06Gợi ý: GV lần lượt hướng dẫn cho HS kĩ năng phân tích cấu tạo của từ ghép chính phụ.Gợi ý:*1) Tìm yếu tố trong các từ ghép thể hiện sự khác nhau giữa giữa các sự vật được biểu thị (xuồng, ghe)?**- Đây đều là từ ghép chính phụ. Hãy xá định đâu là yếu tố chính, đâu là yêu tố phụ?**- Yếu tố thể hiện sự khác nhau giữa các sự vật biểu thị nằm ở vị trí nào?**2) Xếp các yếu tố đó vào nhóm thích hợp*Kĩ **thuật Think – Pair – Share**- GV yêu cầu HS:HS thực hiện phiếu học tập số 06**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật Think – Pair- Share.Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm **-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **Bài tập 3/tr.63:** Yếu tố nào trong các từ ghép dưới đây thể hiện sự khác nhau giữa hai loại xuồng, ghe? Xếp các yếu tố đó vào nhóm thích hợp.

|  |
| --- |
| **1) Tìm yếu tố trong các từ ghép thể hiện sự khác nhau giữa giữa các sự vật được biểu thị (xuồng, ghe)** |
| *Xuồng ba lá, xuồng năm lá, xuồng tam bản, xuồng độc mộc, xuồng chèo, xuồng máy, ghe câu, ghe cào tôm* | Đó là những yếu tố phụ đứng sau (xuồng, ghe) |
| **2) Xếp các yếu tố đó vào nhóm thích hợp** |
| a. Chỉ đặc điểm cấu tạo của sự vật: | *xuồng năm lá, xuồng ba lá, xuồng tam bản* |
| b. Chỉ cách vận hành sự vật:  | *xuồng chèo, xuồng máy* |
| c. Chỉ công dụng của sự vật: | *ghe câu, ghe cào tôm* |

. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Khắc sâu và vận dụng kiến thức về thuật ngữ để tạo lập văn bản

**b. Nội dung:** HS thực hiện ở nhà bài tập.

 **c. Sản phẩm**: Câu trả lời thể hiện hiểu biết của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:** HS thực hiện

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ (**[Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D)):

 Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) giới thiệu khái quát về từ loại hoặc thành phần câu em đã học. Chỉ ra một thuật ngữ được sử dụng trong đoạn văn.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS đọc đoạn văn mình đã viết

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

### Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

Gợi ý:

- Hình thức: đoạn văn

- Nội dung: giới thiệu khái quát về từ loại hoặc thành phần câu em đã học.

 Lưu ý trong đó có sử dụng ít nhất 1 thuật ngữ; chỉ ra thuật ngữ đó.

**Bảng kiểm**

**Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5- 7 câu. |  |  |
| **2** | Đoạn văn có một chủ đề giới thiệu khái quát về từ loại hoặc thành phần câu em đã học.  |  |  |
| **3** | Đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 thuật ngữ. |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **5** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

Đoạn văn tham khảo:

 *Tiếng Việt có hai cách cơ bản để phân loại từ. Cách thứ nhất căn cứ vào nghĩa của từ, từ chia thành các loại như: danh từ, động từ, tính từ, phó từ, đại từ,…Trong đó, danh từ, động từ, tính từ là những từ được sử dụng phổ biến trong hoạt động giao tiếp. Còn nếu dựa trên cấu tạo của từ, chúng ta chia từ thành các loại: từ đơn, từ phức. Từ phức có từ ghép và từ láy. Trong từ ghép ta có ghép chính phụ và ghép đẳng lập. Còn từ láy có thể chia thành láy bộ phận và láy toàn bộ.*

Thuật ngữ: từ, *danh từ, động từ, tính từ, phó từ, đại từ*

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Hoàn thiện các bài tập vào vở;

# Đọc trước và soạn văn bản Thực hành đọc hiểu *“Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa”* (Trần Bình)